

Số: /BC-BCĐ

Bình Định, ngày tháng 02 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Kết quả kiểm tra về an toàn thực phẩm**  
**trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022**

Kính gửi: Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm

Thực hiện Quyết định số 5253/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa lễ hội Xuân 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Sở Y tế, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về an toàn thực phẩm báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm (ATTP) trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 và mùa Lễ hội Xuân năm 2022 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO**

**1. Tuyên tỉnh**

- Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về an toàn thực phẩm xây dựng, triển khai Kế hoạch số 11/KH-BCĐ ngày 29/12/2021 về việc Kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân năm 2022.

- Sở Y tế ban hành Quyết định số 3675/QĐ-SYT ngày 31/12/2021 về việc Kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm (ATTP) trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

**2. Tuyên huyện**

Thực hiện Quyết định số 5253/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân năm 2022 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 11/KH-BCĐ ngày 29/12/2021 của Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về ATTP về việc Kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân năm 2022, Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai tăng cường công tác kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 trên địa bàn.

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA CƠ SỞ THỰC PHẨM

### 1. Việc tổ chức các đoàn kiểm tra

Tổng số đoàn kiểm tra được thành lập: 141 đoàn (133 đoàn liên ngành và 8 đoàn chuyên ngành). Trong đó:

- Số đoàn kiểm tra tuyến tỉnh : 03 đoàn.
- Số đoàn kiểm tra tuyến huyện : 12 đoàn (trong đó thị xã Hoài Nhơn tổ chức 02 đoàn: 01 đoàn do Phòng Y tế chủ trì, 01 đoàn do Phòng Kinh tế chủ trì)
- Số đoàn kiểm tra tuyến xã : 126 đoàn (trong đó Quy Nhơn không thành lập đoàn kiểm tra tuyến xã, phường; Tuy Phước 13 đoàn; An Nhơn 8 đoàn; An Lão 10 đoàn; Hoài Ân 15 đoàn; Hoài Nhơn 17 đoàn; Phù Mỹ 14 đoàn; Phù Cát 18 đoàn; Tây Sơn 15 đoàn; Vân Canh 7 đoàn; Vĩnh Thạnh 9 đoàn).

### 2. Kết quả kiểm tra, tình hình vi phạm, xử lý vi phạm cơ sở (*Phụ lục 1*)

### 3. Các nội dung vi phạm chủ yếu và kết quả kiểm nghiệm mẫu (*Phụ lục 2*)

## III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Ưu điểm

- Đa số các cơ sở thực phẩm được kiểm tra có đăng ký kinh doanh và được cấp giấy đủ điều kiện ATTP, thực hiện tốt các quy định về bảo đảm các điều kiện ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm... Trong đó, 1.560 cơ sở thực phẩm được kiểm tra có 1.553 cơ sở đạt, chiếm tỷ lệ 99,5%.

- Cơ sở sản xuất thực phẩm: Thực hiện theo quy trình sản xuất một chiều, sử dụng nguồn nước sản xuất bảo đảm ATTP, có đầy đủ thiết bị dụng cụ phục vụ sản xuất thực phẩm theo quy định, nguyên liệu thực phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, sản phẩm thực phẩm được công bố chất lượng theo quy định. Người lao động có đầy đủ bảo hộ lao động và được tập huấn kiến thức về ATTP theo quy định.

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm: Hàng hóa có đầy đủ nhãn mác, hồ sơ công bố chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, điều kiện vệ sinh tại cơ sở kinh doanh thực phẩm sạch sẽ, có đầy đủ kệ kê cách đất, cách tường theo quy định.

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: Thiết kế có khu vực sơ chế nguyên liệu thực phẩm, khu vực chế biến, kho nguyên liệu thực phẩm, kho lưu trữ bảo quản thực phẩm bao gói sẵn riêng biệt; khu vực rửa tay và nhà vệ sinh cách biệt. Người lao động có đầy đủ bảo hộ lao động và kiến thức về ATTP theo quy định.

- Bên cạnh, công tác bảo đảm ATTP, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tốt công tác phòng chống dịch COVID-19 theo hướng dẫn của Bộ Y tế như: Thực hiện thông điệp 5K, quét mã QR-CODE để khai báo y tế...

## 2. Tồn tại

Bên cạnh các cơ sở chấp hành đúng các quy định về ATTP, thì vẫn còn các cơ sở chưa thực hiện đúng các quy định về ATTP. Trong đó, có 01 cơ sở bị xử phạt với số tiền phạt là 6.000.000 đồng (*hành vi vi phạm Khu vực chứa đựng, kho bảo quản không có giá, kệ, biển tên, nội quy, quy trình, chế độ vệ sinh*); có 06 cơ sở vi phạm nhưng không bị xử lý, chỉ nhắc nhở. Cơ sở có vi phạm nhưng chỉ nhắc nhở chủ yếu là các cơ sở nhỏ lẻ, không có đăng ký kinh doanh, địa chỉ không ổn định, mức nhu nhập thấp, theo mùa vụ vì vậy khó áp dụng hình thức xử phạt tiền.

Một số hành vi vi phạm của các cơ sở:

- Điều kiện vệ sinh cơ sở : 05 cơ sở.
- Điều kiện trang thiết bị dụng cụ : 01 cơ sở.
- Vi phạm khác : 01 cơ sở.

## 3. Kết quả kiểm nghiệm mẫu

Các đoàn kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra nhanh chất lượng sản phẩm tại cơ sở với kết quả thực hiện 47 test nhanh và cho kết quả âm tính. Các chỉ tiêu test nhanh chủ yếu là hàn the, phẩm màu, foomon.

## IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

### 1. Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ công tác quản lý ATTP.
- Tăng mức đầu tư và phân bổ kinh phí về địa phương để phục vụ cho các hoạt động bảo đảm ATTP.

### 2. Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP tuyến huyện

- Tăng cường công tác tuyên truyền về ATTP để các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện đúng theo Luật An toàn thực phẩm; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tiếp tục chỉ đạo công tác kiểm tra bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc địa bàn quản lý nhằm bảo đảm cung cấp, lưu thông nguồn thực phẩm an toàn. Đặc biệt, chú trọng kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trong các khu du lịch, khu vui chơi, lễ hội.

- Chỉ đạo Phòng Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện hành vi vi phạm về ATTP, yêu cầu thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cơ sở vi phạm trên địa bàn quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương: tiếp tục tổ

chức đợt kiểm tra chuyên ngành về bảo đảm ATTP sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần để đảm bảo ATTP cho mùa Lễ hội Xuân 2022.

Trên đây là kết quả kiểm tra về ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về ATTP kính báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND tỉnh Bình Định;
- Thanh tra Bộ Y tế;
- Cục ATTP - Bộ Y tế;
- Ông Lâm Hải Giang,  
PCT UBND tỉnh, Trưởng BCD;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh (để biết);
- Các Sở: Y tế, NN&PTNT, Công thương, KH&CN;
- Công an tỉnh;
- Các thành viên BCD tỉnh (để biết);
- BCD các huyện, thị xã, thành phố (phối hợp);
- Chi cục ATVSTP;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, Thanh tra Sở.

báo  
cáo

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ  
Nguyễn Văn Trung**

**Phụ lục 1. Kết quả kiểm tra, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm của cơ sở****Bảng 1: Kết quả kiểm tra:**

Hoạt động	Tuyến xã				Tuyến huyện				Tuyến tỉnh				Tổng cộng			
	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng	SX, CB	KDTP	DVAU	Cộng
Số cơ sở được kiểm tra	10	475	785	<b>1.270</b>	42	100	85	<b>227</b>	28	27	8	<b>63</b>	<b>80</b>	<b>602</b>	<b>878</b>	<b>1.560</b>
Số cơ sở đạt	10	475	785	<b>1.270</b>	40	98	83	<b>221</b>	27	27	8	<b>62</b>	<b>77</b>	<b>600</b>	<b>876</b>	<b>1.553</b>
Tỷ lệ đạt (%)	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>95,2</b>	<b>98</b>	<b>97,5</b>	<b>97,4</b>	<b>96,4</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>98,4</b>	<b>96,2</b>	<b>99,6</b>	<b>99,7</b>	<b>99,5</b>

**Bảng 2. Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm:**

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được kiểm tra	Số lượng	Tỷ lệ % so với cơ sở được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được kiểm tra	1.270		227		63		1.560	
2	Số cơ sở có vi phạm	0		6	2,64	1	1,58	7	0,44
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	0		0	0	1	1,58	1	0,06
Trong đó:									
3.1. Hình thức phạt chính:									
	Số cơ sở bị cảnh cáo	0	0	0	0				
	Số cơ sở bị phạt tiền	0	0	0	0	1	1,58	1	0,06
	Tổng số tiền phạt	0		0		6.000.000		6.000.000	
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả									
*	Số cơ sở bị đóng cửa	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở khắc phục về nhãn	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số loại tài liệu quảng cáo có bị đình chỉ lưu hành	0	0	0	0	0	0	0	0
*	Các xử lý khác	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Số cs có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	0	0	6	2,64	0	0	6	0,38

**Phụ lục 2. Các nội dung vi phạm chủ yếu và kết quả kiểm nghiệm mẫu****Bảng 1. Các nội dung vi phạm chủ yếu bị xử lý:**

TT	Nội dung vi phạm	Tuyến xã			Tuyến huyện			Tuyến tỉnh			Tổng cộng		
		Số cs được kiểm tra	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %	Số cs được kiểm tra	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %	Số cs được kiểm tra	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %	Số cs được kiểm tra	Số cs vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở	1.270	0	0	227	5	2,2	63	0	0	1.560	5	0,3
2	Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ	1.270	0	0	227	0	0	63	1	1,5	1.560	1	0,06
3	Điều kiện con người	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
5	Ghi nhãn thực phẩm	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
6	Quảng cáo thực phẩm	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	1.270	0	0	227	0	0	63	0	0	1.560	0	0
8	Vi phạm khác	1.270	0	0	227	1	0,4	63	0	0	1.560	1	0,06

**Bảng 2. Kết quả kiểm nghiệm mẫu (Tuyến huyện và tỉnh):**

TT	Loại xét nghiệm	Tuyến huyện			Tuyến tỉnh			Tổng cộng		
		Kết quả xét nghiệm mẫu								
		Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt	Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt	Tổng số mẫu kiểm nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
<b>I</b>	<b>Xét nghiệm tại labo</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Kết quả xét nghiệm hóa lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Kết quả xét nghiệm vi sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng xét nghiệm tại labo</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Xét nghiệm nhanh</b>	32	0	0	15	0	0	0	0	0
	<b>Cộng</b>	32	0	0	15	0	0	47	0	0

